

HOSE

03/04/2014

VNINDEX 589.44 7.78 1.34%

 KLGD 105,522,983 CP
 GTGD 1,769.34 Tỷ
 GTR NDTNN 40.85 Tỷ

 CP Tăng giá 215 CP
 CP Giảm giá 38 CP
 CP Đứng giá 51 CP


Tâm điểm

► **Tăng điểm trở lại nhưng thanh khoản sụt giảm mạnh**

► **Thanh khoản thị trường sụt giảm trong phiên hôm nay**
 Tổng giá trị giao dịch đạt mức khoảng 2,400 tỷ đồng.

► **NHNN: Tín dụng tháng 3 tăng 1.35% so với tháng 2**
 Đến cuối tháng 3/2014, tín dụng tăng khoảng 11.59%
 Thời báo Ngân hàng

► **NFSC: Kinh tế Việt Nam sẽ tăng trưởng tốt hơn đến hết năm**
 Theo báo cáo kinh tế vĩ mô Quý I, năm 2014 vừa được công bố ngày 2-4 của NFSC

► **WB tăng quỹ cho vay cho các nền kinh tế mới nổi**
 Qua đó, nâng tổng khả năng cho vay hàng năm của WB lên 70 tỷ USD
 Vietnamplus

► **SD6: Ước LNTT quý 1 đạt 19 tỷ đồng**
 SD6 cũng thông qua kế hoạch SXKD quý 2/2014 lợi nhuận trước thuế 32.481 tỷ đồng
 Trí Thức Trẻ

► **TRA: Năm 2014, kế hoạch doanh thu 1,860 tỷ đồng, lợi nhuận 162 tỷ đồng**
 Theo đó, TRA kế hoạch doanh thu và lợi nhuận tăng trưởng lần lượt 10.5% và 8.7%
 Công Lý

HNX

03/4/2014

HNXINDEX 87.62 1.94 2.27%

 KLGD 63,252,586 CP
 GTGD 678.81 Tỷ
 GTR NDTNN 6.07 Tỷ

 CP Tăng giá 213 CP
 CP Giảm giá 50 CP
 CP Đứng giá 116 CP


VN30 & HNX30 INDEX

 VN30 664.88 6.87 1.04%
 HNX30 180.65 4.42 2.51%

Thị trường / Ngành

Vốn hóa (tỷ)

P/E

P/B

ROE

ROA

Theo thị trường

Thị trường	Vốn hóa (tỷ)	P/E	P/B	ROE	ROA
HOSE	1,025,435	14.0	3.1	22.5%	11.2%
HNX	134,719	19.4	1.6	9.0%	3.9%
Toàn bộ thị trường	1,160,154	15.0	3.0	21.5%	10.5%

Theo ngành

Ngành	Vốn hóa (tỷ)	P/E	P/B	ROE	ROA
Nhựa, cao su & sợi	7,846	6.9	1.0	15.8%	10.2%
Sản phẩm hóa dầu, Nông dược &	23,723	8.0	1.8	24.3%	18.0%
Thép và sản phẩm thép	34,454	17.8	1.9	17.5%	7.0%
Khai khoáng	12,475	46.7	4.9	3.6%	2.7%
Vật liệu xây dựng & Nội thất	21,129	23.0	1.5	15.6%	9.1%
Xây dựng	32,803	66.8	1.2	1.5%	1.2%
Máy công nghiệp	9,354	9.1	1.5	21.2%	12.9%
Kho bãi, hậu cần và bảo dưỡng	9,584	11.8	1.6	17.8%	12.7%
Lốp xe	7,117	8.9	2.4	30.1%	13.8%
Nuôi trồng nông & hải sản	13,724	15.3	1.2	10.5%	5.1%
Thực phẩm	209,823	23.4	5.5	24.8%	18.6%
Dược phẩm	16,044	13.0	3.4	26.7%	17.3%
Phần mềm	19,026	11.8	2.6	23.6%	10.0%
Sản xuất & phân phối điện	22,998	7.7	1.2	18.2%	8.9%
Phân phối xăng dầu & khí đốt	163,820	12.6	4.6	39.7%	25.0%
Bảo hiểm nhân thọ	29,396	25.8	2.4	9.4%	2.3%
Môi giới chứng khoán	27,691	25.8	1.6	7.1%	5.2%
Ngân hàng	265,038	11.8	1.4	11.6%	0.9%
Bất động sản	151,750	15.3	2.9	28.2%	6.1%
Thiết bị và Dịch vụ Dầu khí	37,322	9.7	2.0	21.7%	8.3%

Thống kê thị trường

- HOSE: Thống kê và nhận định thị trường
- HNX: Thống kê và nhận định thị trường
- Tổng hợp chỉ số ngành toàn thị trường

Vui lòng tham khảo điều khoản sử dụng ở trang cuối

VietinBankSc © 2013

VietinBankSc

 306 Ba Triệu
 Hai Bà Trưng
 Hanoi
 Vietnam
 Tel: (844) 3974 7952
 Fax: (844) 3974 1760
 www.vietinbanksc.com.vn

Sac Q. Nguyen

sacnq@vietinbanksc.com.vn

NHNN: Tín dụng tháng 3 tăng 1.35% so với tháng 2

NFSC: Kinh tế Việt Nam sẽ tăng trưởng tốt hơn đến hết năm

WB tăng quỹ cho vay cho các nền kinh tế mới nổi

Sac Q. Nguyen

sacnq@vietinbanksc.com.vn

HBC: Lợi nhuận giảm gần 30 tỷ đồng sau kiểm toán

SD6: Ước LNTT quý 1 đạt 19 tỷ đồng

TRA: Năm 2014, kế hoạch doanh thu 1,860 tỷ đồng, lợi nhuận 162 tỷ đồng

► Tin kinh tế

Theo NHNN Việt Nam, nếu như tín dụng tháng 1 giảm 0.55%, tháng 2 giảm 0.65%, thì đến tháng 3 đã tăng khoảng 1.35% so với tháng 2. Còn so với cùng kỳ năm ngoái, đến cuối tháng 3 tín dụng tăng khoảng 11.59%, bằng với mức tăng trưởng của cùng kỳ năm ngoái. Việc tín dụng tăng trở lại trong tháng 3 đã hỗ trợ tích cực cho tăng trưởng kinh tế và cho thấy mục tiêu tăng trưởng tín dụng năm 2014 ở mức 12-14% hoàn toàn khả thi bởi theo quy luật, tín dụng sẽ tăng mạnh hơn trong những tháng tới.

Theo báo cáo kinh tế vĩ mô Quý I, năm 2014 vừa được công bố ngày 2-4 của Ủy ban Giám sát tài chính quốc gia (UBGSTCQG), kinh tế Việt Nam đã thoát đáy trong Quý 3, năm 2013 và đang trở lại quỹ đạo tăng trưởng mặc dù mức tăng còn chậm. Dự báo những quý tiếp theo, tăng trưởng kinh tế sẽ khá hơn nhờ hiệu ứng các giải pháp hỗ trợ tổng cầu (tăng đầu tư bằng trái phiếu Chính phủ, giảm lãi suất...). Do vậy, triển vọng đạt mục tiêu tăng trưởng 5.8% của năm 2014 trở nên sáng sủa hơn.

Hôm 1/4, World Bank (WB) cho biết sẽ bổ sung 100 tỷ USD vào nguồn quỹ cho vay cho các nước thu nhập trung bình, nâng tổng số tiền lên 28 tỷ USD mỗi năm. Hồi tháng 12/2013, WB cũng quyết định bổ sung 52 tỷ USD vào các quỹ cho vay cho các nước nghèo nhất thế giới. Gộp chung lại, WB sẽ nâng tổng khả năng cho vay hàng năm lên 70 tỷ USD, so với mức 45-50 tỷ USD hiện nay.

► Tin doanh nghiệp

CTCP XD & KD Địa ốc Hòa Bình (HOSE: HBC) công bố BCTC hợp nhất kiểm toán với doanh thu thuần sau kiểm toán đạt 3,432.4 tỷ đồng, giảm 1.5% so với trước kiểm toán. Bởi vậy, lãi gộp giảm 4% từ 326.7 tỷ đồng xuống 312.8 tỷ đồng. Mặt khác, chi phí quản lý đội lên thêm 15.3 tỷ đồng do điều chỉnh kế toán tăng giá vốn sang giảm chi phí quản lý doanh nghiệp 6 tỷ đồng, tăng trích lập dự phòng phải thu khó đòi 20.2 tỷ đồng, lập dự phòng trợ cấp mất việc 1.3 tỷ đồng. Từ hai nhân tố trên mà lợi nhuận ròng của HBC giảm gần 30 tỷ đồng, từ mức 56 tỷ đồng rút xuống 26.4 tỷ đồng.

Ngày 01/4/2014, Công ty cổ phần Sông Đà 6 (HNX: SD6) đã công bố Nghị quyết phiên họp quý 1/2014 Hội đồng quản trị. Theo đó, Hội đồng quản trị công ty đã quyết nghị thông qua Báo cáo ước thực hiện kế hoạch SXKD quý 1/2014 với các chỉ tiêu chính: Doanh thu ước 305.172 tỷ đồng, đạt 91% kế hoạch quý và đạt 24% kế hoạch năm 2014; Lợi nhuận trước thuế ước 19.037 tỷ đồng đạt 87% kế hoạch quý và đạt 18% kế hoạch năm 2014. Hội đồng quản trị công ty cũng đã thông qua kế hoạch SXKD quý 2/2014 với doanh thu 416.104 tỷ đồng, lợi nhuận trước thuế 32.481 tỷ đồng.

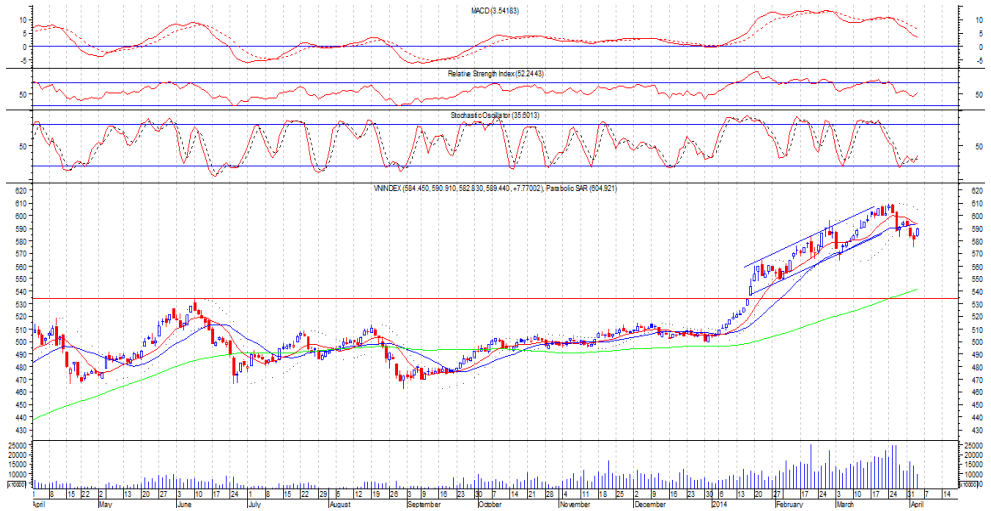
CTCP Traphaco (HOSE: TRA) thông báo Nghị quyết và Biên bản ĐHĐCĐ thường niên năm 2013. Theo đó, năm 2014, công ty đặt kế hoạch tổng doanh thu hợp nhất tối thiểu 1,860 tỷ đồng (chưa bao gồm VAT), tăng 10.5% so với năm 2013. Trong đó doanh thu hàng sản xuất và độc quyền phân phối 1,280 tỷ đồng, hàng xuất nhập khẩu ủy thác và khai thác bán lẻ 320 tỷ đồng, doanh thu từ các công ty con 260 tỷ đồng. Lợi nhuận sau thuế hợp nhất tối thiểu 162 tỷ đồng, tăng 8.7% so với năm 2013, cổ tức tối thiểu 20%, không thay đổi so với năm trước. Năm 2013, TRA đạt 149.4 tỷ đồng lợi nhuận sau thuế của công ty mẹ, theo đó công ty sẽ thanh toán cổ tức tiền mặt cho cổ đông tỷ lệ 20%.

HOSE 03/04/2014 VNINDEX 589.44 7.78 1.34% 105,522,983 CP 1,769.34 bil VND

Tăng điểm trở lại nhưng thanh khoản sụt giảm mạnh

VN-Index tăng 7.77 điểm (+1.34%), đóng cửa tại mức 589.44 điểm. VN-Index hình thành cây nến xanh, thân nến tương đối dài, VN-Index hồi phục sau 3 phiên giảm điểm liên tục.

- MACD Histogram dừng đà giảm, nhưng vẫn đang có khả năng cắt đường zero - base.
- Stochastic Oscillator tăng trở lại và cho tín hiệu mua ngày hôm nay.
- RSI tăng lên mức 52.
- MA10 cắt xuống MA20, đây là một tín hiệu khá xấu.



HOSE Top 5 theo KLGD

ITA	0.6 (6.2%)	12,620,480
FLC	0.7 (4.9%)	10,114,420
HQC	0.5 (5.8%)	3,289,260
PTL	0.3 (7.0%)	3,217,850
OGC	0.3 (2.4%)	2,777,270

HOSE Top 5 theo % tăng

DRH	0.3 (7.0%)	261,200
PTL	0.3 (7.0%)	3,217,850
VNE	0.5 (6.9%)	738,680
VHC	1.9 (6.9%)	23,480
ANV	0.7 (6.9%)	102,540

HOSE Top 5 theo % giảm

HTL	-1.3 (-6.8%)	10
BT6	-0.5 (-6.5%)	6,340
POM	-0.8 (-5.9%)	44,080
COM	-2 (-5.7%)	18,510
C21	-1.2 (-5.6%)	1,570

HOSE Top 5 Mua ròng NDTNN

ITA	10,7 tỷ	1,054,450
NLG	9,6 tỷ	475,930
DXG	7,0 tỷ	449,350
VCB	6,6 tỷ	212,210
BMI	6,2 tỷ	334,050

HOSE Top 5 Bán ròng NDTNN

DPM	-12,0 tỷ	271,800
VIC	-5,7 tỷ	78,250
HAG	-4,9 tỷ	172,850
IJC	-3,3 tỷ	241,210
DPR	-2,4 tỷ	55,100

GD NDTNN	KL Ròng	GT Ròng (tỷ)
HOSE	3,026,360	40.85

Nhận định / Bình luận thị trường

- ▶ Thị trường giao dịch tích cực trở lại trong phiên hôm nay. Nhiều cổ phiếu đầu cơ tăng trần. Tuy nhiên dòng tiền vào thị trường lại sụt giảm mạnh.
- ▶ Khối lượng giao dịch sụt giảm mạnh so với phiên trước, đạt 99 triệu đơn vị, thấp hơn khá nhiều so với bình quân 20p gần đây.
- ▶ Đà hồi phục của chỉ số có thể diễn ra, VN-Index nhiều khả năng sẽ tích lũy quanh vùng 580 - 595.
- ▶ Khối ngoại tiếp tục mua ròng 40 tỷ trong phiên hôm nay. Lực bán của khối ngoại đã giảm, việc khối này mua ròng trở lại sẽ hỗ trợ khá tốt cho thị trường.
- ▶ NĐT có thể gia tăng trạng thái CP trở lại nếu thanh khoản vẫn duy trì tốt, cần nhắc các mã có yếu tố cơ bản hỗ trợ và đã điều chỉnh 10 - 15% giai đoạn vừa rồi.

HOSE - Top 10 theo vốn hóa

Mã CK	SLCPLH (triệu)	Giá (000')	Vốn hóa (tỷ)	P/E (lần)	P/B (lần)	ROE	ROA
GAS	1,895.0	84.5	160,127.50	12.8	4.7	40.6%	25.7%
VNM	833.5	144.0	120,019.26	18.0	6.7	39.6%	30.7%
VCB	2,317.4	31.3	72,535.15	16.6	1.7	10.4%	1.0%
MSN	734.9	93.5	68,714.21	144.9	4.7	3.2%	1.1%
VIC	908.8	73.5	66,794.05	9.8	4.6	54.2%	10.3%
CTG	3,723.4	16.8	62,553.20	9.1	1.1	13.2%	1.1%
BID	2,811.2	16.8	47,228.20	10.8	1.5	13.8%	0.8%
BVH	680.5	43.6	29,668.55	25.8	2.4	9.4%	2.3%
PVD	275.3	82.5	22,708.79	11.0	2.3	22.4%	9.3%
STB	1,142.5	19.7	22,507.48	9.9	1.3	14.5%	1.4%

HOSE - Cổ phiếu khuyến nghị theo dõi / mua / bán / nắm giữ

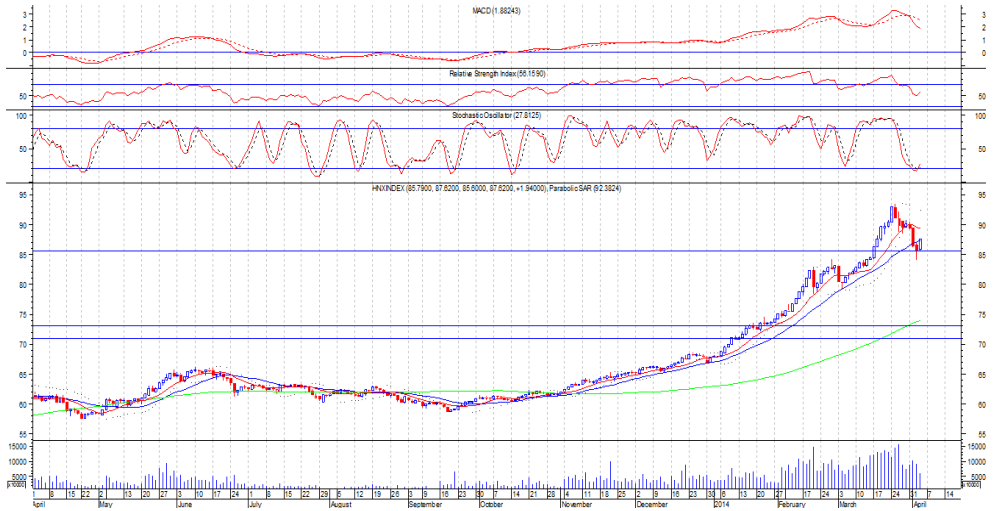
Mã CK	SLCPLH (triệu)	Giá (000')	Vốn hóa (tỷ)	P/E (lần)	P/B (lần)	Giá mục tiêu	Khuyến nghị
PVT	232.6	15.4	3,582.04	14.7	1.3	NA	TH.DOI
PPC	318.2	22.9	7,285.74	4.4	1.3	NA	TH.DOI
PHR	78.5	30.4	2,386.10	6.5	1.1	NA	TH.DOI
BMP	45.5	81.0	3,683.76	10.0	2.5	NA	TH.DOI
VSC	28.6	69.0	1,976.58	8.1	2.2	NA	TH.DOI
DPM	379.9	43.6	16,565.13	7.5	1.8	NA	TH.DOI

HNX 03/04/2014 HNX-Index 87.62 1.94 2.27% 63,252,586 CP 678.81 bil. VND

Tăng điểm trở lại nhưng thanh khoản sụt giảm mạnh

Chỉ số HNX-Index tăng 1.94 điểm (+2.27%), đóng cửa tại mốc 87.62 điểm. HNX-Index tạo thành cây nến xanh, thân nến dài, tăng điểm tích cực, đóng cửa ở mức cao nhất phiên.

- MA10 có xu hướng đi xuống, HNX-Index đang giao dịch quanh vùng MA20.
- Chỉ báo Stochastic Oscillator cho tín hiệu mua trở lại ở phiên hôm nay.
- MACD cắt đường tín hiệu và tiếp tục lao dốc đều đều này cho thấy xu hướng ngắn hạn của thị trường đang rất rủi ro.
- RSI (14) gia tăng trở lại và đạt mức 56.



HNX Top 5 theo KLGD

SHB	0.3 (2.8%)	8,531,570
PVX	0.4 (6.3%)	8,511,340
SCR	0.5 (4.9%)	4,487,640
KLS	0.3 (2.1%)	3,927,870
PVS	0.4 (1.4%)	1,991,230

HNX Top 5 theo % tăng

SJ1	1.7 (10.1%)	80
BTH	0.4 (10.0%)	2,100
DL1	0.8 (10.0%)	21,700
DST	0.5 (10.0%)	300
KHB	0.4 (10.0%)	139,300

HNX Top 5 theo % giảm

HBE	-0.6 (-9.8%)	300
VNT	-3.1 (-9.7%)	200
SDU	-0.9 (-9.7%)	14,200
BHT	-0.6 (-9.5%)	100
KHL	-0.4 (-9.5%)	130,300

HNX Top 5 Mua ròng NDTNN

PVX	3,4 tỷ	510,200
VCG	3,3 tỷ	215,200
PVG	1,1 tỷ	77,500
SCR	1,1 tỷ	99,800
SDT	0,4 tỷ	24,900

HNX Top 5 Bán ròng NDTNN

SHB	-1,4 tỷ	135,300
PVL	-1,0 tỷ	206,200
PVS	-0,9 tỷ	29,590
KLS	-0,8 tỷ	57,100
BVS	-0,7 tỷ	40,700

GD NDTNN	KL Ròng	GT Ròng (tỷ)
HNX	547,229	6.07

Nhận định / Bình luận thị trường

- ▶ Thị trường giao dịch tích cực trở lại trong phiên hôm nay. Nhiều cổ phiếu đầu cơ tăng trần. Tuy nhiên dòng tiền vào thị trường lại sụt giảm mạnh.
- ▶ Khối lượng giao dịch sụt giảm mạnh so với phiên trước, đạt 61 triệu đơn vị, thấp hơn khá nhiều so với bình quân 20p gần đây.
- ▶ Thị trường đang được hỗ trợ khá tốt ở ngưỡng 84 - 85 điểm. HNX-Index nhiều khả năng sẽ giao dịch tích lũy tại vùng 85 - 92 điểm.
- ▶ Khối ngoại tiếp tục mua ròng 6,0 tỷ trong phiên hôm nay. Lực bán của khối ngoại đã giảm, việc khối này mua ròng trở lại sẽ hỗ trợ khá tốt cho thị trường.
- ▶ NĐT có thể gia tăng trạng thái CP trở lại nếu thanh khoản vẫn duy trì tốt, cân nhắc các mã có yếu tố cơ bản hỗ trợ và đã điều chỉnh 10 - 15% giai đoạn vừa rồi.

HNX - Top 10 theo vốn hóa

Mã CK	SLCPLH (triệu)	Giá (000')	Vốn hóa (tỷ)	P/E (lần)	P/B (lần)	ROE	ROA
ACB	921.5	17.2	15,850.06	18.9	1.2	6.6%	0.5%
PVS	446.7	29.6	13,222.33	7.9	1.6	21.7%	7.0%
SHB	886.1	10.9	9,658.31	12.4	0.9	7.6%	0.6%
SQC	110.0	78.2	8,602.00	415.6	6.4	-1.5%	-1.2%
VCG	441.7	15.5	6,846.52	13.4	1.2	9.1%	1.9%
OCH	200.0	27.0	5,400.00	30.8	2.5	7.6%	3.4%
PVI	225.4	20.7	4,666.07	13.7	0.7	5.4%	2.9%
LAS	77.8	46.5	3,619.19	8.1	2.6	34.3%	16.1%
NTP	43.3	72.5	3,142.00	10.9	2.6	24.8%	16.7%
VNR	100.8	30.5	3,075.24	9.8	1.2	12.7%	6.9%

HNX - Cổ phiếu khuyến nghị theo dõi / mua / bán / nắm giữ

Mã CK	SLCPLH (triệu)	Giá (000')	Vốn hóa (tỷ)	P/E (lần)	P/B (lần)	Giá mục tiêu	Khuyến nghị
PGS	38.0	36.0	1,368.00	7.6	1.5	NA	TH.DOI
AAA	19.8	23.2	459.36	8.3	0.8	NA	TH.DOI
VND	96.9	18.0	1,744.86	14.2	1.4	NA	TH.DOI
NTP	43.3	72.5	3,142.00	10.9	2.6	NA	TH.DOI
LHC	2.0	66.8	133.60	3.1	1.2	NA	TH.DOI
DXP	7.9	48.0	378.00	7.1	1.7	NA	TH.DOI

FTSE Vietnam (UCITS ETF)

Ma CK	SGD	SLCPLH (triệu)	Vốn hóa (tỷ)	Tỷ trọng	Giá (000')	PE (lần)	PB (lần)	KLGDQB (10 ngày)	KLGDQB (1 tháng)	KLGDQB (3 tháng)
MSN	HOSE	734.9	68,714.21	15.35%	93.5	144.88	4.74	789,984	682,355	404,709
VIC	HOSE	908.8	66,794.05	14.46%	73.5	9.79	4.55	606,494	522,138	334,761
HPG	HOSE	419.1	22,000.26	11.74%	52.5	11.15	2.29	1,464,204	1,079,598	747,636
PVD	HOSE	275.3	22,708.79	8.68%	82.5	11.01	2.29	825,404	664,727	481,445
DPM	HOSE	379.9	16,565.13	8.01%	43.6	7.50	1.78	951,731	794,010	790,599
HAG	HOSE	718.2	20,395.59	7.98%	28.4	21.91	1.58	5,348,524	5,263,982	4,558,442
VCB	HOSE	2,317.4	72,535.15	6.11%	31.3	16.59	1.71	1,373,025	1,118,344	1,104,262
STB	HOSE	1,142.5	22,507.48	4.13%	19.7	9.91	1.31	2,029,186	1,559,332	1,018,526
BVH	HOSE	680.5	29,668.55	3.08%	43.6	25.84	2.42	761,117	662,915	568,737
ITA	HOSE	718.1	7,396.17	2.71%	10.3	133.53	0.90	15,248,881	14,039,629	10,292,446
HSG	HOSE	96.3	5,152.75	2.68%	53.5	9.01	2.17	270,860	295,792	334,623
GMD	HOSE	114.4	3,878.89	2.26%	33.9	19.62	0.85	694,465	567,271	506,209
PPC	HOSE	318.2	7,285.74	2.03%	22.9	4.39	1.33	1,785,822	1,368,092	1,365,323
VSH	HOSE	206.2	3,547.35	1.74%	17.2	17.48	1.34	1,573,916	1,314,298	1,197,252
CSM	HOSE	67.3	2,886.83	1.64%	42.9	7.96	2.35	900,227	916,381	874,809
KBC	HOSE	289.8	3,708.93	1.48%	12.8	48.76	0.87	1,856,021	1,817,706	1,504,219
DRC	HOSE	83.1	3,746.63	1.33%	45.1	9.85	2.68	563,605	459,136	441,049
PVT	HOSE	232.6	3,582.04	1.18%	15.4	14.67	1.25	2,967,933	2,783,777	2,625,306
DIG	HOSE	143.0	2,502.42	1.01%	17.5	43.07	0.99	1,194,576	977,632	961,138
OGC	HOSE	300.0	3,870.00	0.91%	12.9	35.77	1.16	5,592,840	4,884,611	3,190,585
PET	HOSE	69.8	1,459.70	0.87%	20.9	9.08	1.17	1,142,031	1,127,421	980,438

Công ty quản lý
Chỉ số tham chiếu

DB Platinum Advisors
FTST Vietnam Index

Ngày lập quỹ **15/01/2008**
Ngày lập chỉ số **14/05/2007**

SLCKVN **22/22**
TGTTSQL **361 mil.**

Market Vectors Vietnam ETF

Ma CK	SGD	SLCPLH (triệu)	Vốn hóa (tỷ)	Tỷ trọng	Giá (000')	PE (lần)	PB (lần)	KLGDQB (10 ngày)	KLGDQB (1 tháng)	KLGDQB (3 tháng)
PVS	HNX	446.7	13,222.33	5.37%	29.6	7.88	1.58	5,523,663	4,027,045	2,931,381
VIC	HOSE	908.8	66,794.05	8.00%	73.5	9.79	4.55	606,494	522,138	334,761
VCB	HOSE	2,317.4	72,535.15	7.00%	31.3	16.59	1.71	1,373,025	1,118,344	1,104,262
BVH	HOSE	680.5	29,668.55	6.50%	43.6	25.84	2.42	761,117	662,915	568,737
DPM	HOSE	379.9	16,565.13	5.79%	43.6	7.50	1.78	951,731	794,010	790,599
STB	HOSE	1,142.5	22,507.48	4.26%	19.7	9.91	1.31	2,029,186	1,559,332	1,018,526
PVD	HOSE	275.3	22,708.79	3.22%	82.5	11.01	2.29	825,404	664,727	481,445
ITA	HOSE	718.1	7,396.17	3.73%	10.3	133.53	0.90	15,248,881	14,039,629	10,292,446
SHB	HNX	886.1	9,658.31	2.86%	10.9	12.41	0.91	13,367,151	13,148,209	9,422,584
PPC	HOSE	318.2	7,285.74	1.58%	22.9	4.39	1.33	1,785,822	1,368,092	1,365,323
OGC	HOSE	300.0	3,870.00	2.33%	12.9	35.77	1.16	5,592,840	4,884,611	3,190,585
GMD	HOSE	114.4	3,878.89	1.62%	33.9	19.62	0.85	694,465	567,271	506,209
MSN	HOSE	734.9	68,714.21	8.00%	93.5	144.88	4.74	789,984	682,355	404,709
HAG	HOSE	718.2	20,395.59	2.83%	28.4	21.91	1.58	5,348,524	5,263,982	4,558,442
DRC	HOSE	83.1	3,746.63	1.28%	45.1	9.85	2.68	563,605	459,136	441,049
VCG	HNX	441.7	6,846.52	3.58%	15.5	13.36	1.17	4,528,215	4,535,531	3,936,983
PVT	HOSE	232.6	3,582.04	2.05%	15.4	14.67	1.25	2,967,933	2,783,777	2,625,306

Công ty quản lý
Chỉ số tham chiếu

Van Eck Global
Market Vector Vietnam Index

Ngày lập quỹ **08/11/2009**
Ngày lập chỉ số **24/11/2008**

SLCKVN **17/27**
TGTTSQL **439.5 mil.**

MSCI Frontier Market Index ETF

Ma CK	SGD	SLCPLH (triệu)	Vốn hóa (tỷ)	Tỷ trọng	Giá (000')	PE (lần)	PB (lần)	KLGDQB (10 ngày)	KLGDQB (1 tháng)	KLGDQB (3 tháng)
VIC	HOSE	908.8	66,794.05	0.00%	73.5	9.79	4.55	606,494	522,138	334,761
MSN	HOSE	734.9	68,714.21	0.00%	93.5	144.88	4.74	789,984	682,355	404,709
DPM	HOSE	379.9	16,565.13	0.00%	43.6	7.50	1.78	951,731	794,010	790,599
HAG	HOSE	718.2	20,395.59	0.00%	28.4	21.91	1.58	5,348,524	5,263,982	4,558,442
VCB	HOSE	2,317.4	72,535.15	0.00%	31.3	16.59	1.71	1,373,025	1,118,344	1,104,262
STB	HOSE	1,142.5	22,507.48	0.00%	19.7	9.91	1.31	2,029,186	1,559,332	1,018,526
BVH	HOSE	680.5	29,668.55	0.00%	43.6	25.84	2.42	761,117	662,915	568,737
CTG	HOSE	3,723.4	62,553.20	0.00%	16.8	9.13	1.14	1,410,135	1,290,357	1,223,786
GAS	HOSE	1,895.0	160,127.50	0.00%	84.5	12.80	4.72	272,614	266,686	427,826

Công ty quản lý
Chỉ số tham chiếu

Royal Bank of Scotland
MSCI Frontier Markets Index

Ngày lập quỹ
Ngày lập chỉ số

19/09/2011
30/11/2007

SLCKVN
TGTTSQL

9/142
22.25 mil.

iShares MSCI Frontier 100 Index Fund

Ma CK	SGD	SLCPLH (triệu)	Vốn hóa (tỷ)	Tỷ trọng	Giá (000')	PE (lần)	PB (lần)	KLGDQB (10 ngày)	KLGDQB (1 tháng)	KLGDQB (3 tháng)
MSN	HOSE	734.9	68,714.21	0.81%	93.5	144.88	4.74	789,984	682,355	404,709
VIC	HOSE	908.8	66,794.05	0.55%	73.5	9.79	4.55	606,494	522,138	334,761
DPM	HOSE	379.9	16,565.13	0.26%	43.6	7.50	1.78	951,731	794,010	790,599
VCB	HOSE	2,317.4	72,535.15	0.20%	31.3	16.59	1.71	1,373,025	1,118,344	1,104,262
STB	HOSE	1,142.5	22,507.48	0.14%	19.7	9.91	1.31	2,029,186	1,559,332	1,018,526
BVH	HOSE	680.5	29,668.55	0.10%	43.6	25.84	2.42	761,117	662,915	568,737

Công ty quản lý
Chỉ số tham chiếu

iShares
MSCI Frontier 100 Index

Ngày lập quỹ
Ngày lập chỉ số

12/09/2012
30/11/2007

SLCKVN
TGTTSQL

6/102
519.45 mil.

iShares MSCI Vietnam Investable Market Index Fund ETF

Ma CK	SGD	SLCPLH (triệu)	Vốn hóa (tỷ)	Tỷ trọng	Giá (000')	PE (lần)	PB (lần)	KLGDQB (10 ngày)	KLGDQB (1 tháng)	KLGDQB (3 tháng)
-------	-----	-------------------	-----------------	----------	---------------	-------------	-------------	---------------------	---------------------	---------------------

Công ty quản lý
Chỉ số tham chiếu

iShares
MSCI VN Investable Market Indx

Ngày lập quỹ
Ngày lập chỉ số

01/12/2010

SLCKVN
TGTTSQL

4,752.96 mil.

Chỉ số bình quân ngành	Vốn hóa (tỷ)	P/E	P/B	ROE	ROA
Hóa chất & Tài nguyên cơ bản					
Hóa Chất					
Nhựa, cao su & sợi	7,846	6.9	1.0	15.8%	10.2%
Sản phẩm hóa dầu, Nông dược & Hóa chất khác	23,723	8.0	1.8	24.3%	18.0%
Lâm nghiệp và giấy					
Lâm sản và Chế biến gỗ	1,874	28.6	0.8	2.4%	1.8%
Sản xuất giấy	841	9.4	0.8	10.5%	5.2%
Kim loại					
Thép và sản phẩm thép	34,454	17.8	1.9	17.5%	7.0%
Khai khoáng					
Khai thác than	2,015	4.8	0.9	19.1%	4.1%
Khai khoáng	12,475	46.7	4.9	3.6%	2.7%
Xây dựng và vật liệu					
Xây dựng và vật liệu					
Vật liệu xây dựng & Nội thất	21,129	23.0	1.5	15.6%	9.1%
Xây dựng	32,803	66.8	1.2	1.5%	1.2%
Hàng và dịch vụ công nghiệp					
Hàng công nghiệp					
Containers & Đóng gói	2,479	8.1	1.2	18.7%	9.9%
Công nghiệp phức hợp	444	4.8	0.9	20.3%	14.5%
Điện tử và thiết bị điện					
Hàng điện & điện tử	1,674	10.0	1.0	8.9%	4.8%
Thiết bị điện	1,823	16.9	0.7	-1.7%	-1.8%
Công nghiệp nặng					
Xe tải & Đóng tàu	45	25.6	0.6	2.4%	1.6%
Máy công nghiệp	9,354	9.1	1.5	21.2%	12.9%
Vận tải					
Vận tải thủy	8,211	3.4	1.0	11.6%	1.3%
Kho bãi, hậu cần và bảo dưỡng	9,584	11.8	1.6	17.8%	12.7%
Dịch vụ vận tải	5,212	10.1	1.4	15.8%	9.9%
Tư vấn & hỗ trợ kinh doanh					
Tư vấn & Hỗ trợ KD	2,250	14.3	1.3	8.6%	1.9%
Đào tạo & Việc làm	239	35.6	0.7	3.9%	1.7%
Nhà cung cấp thiết bị	190	8.7	0.8	10.5%	4.6%
Chất thải & Môi trường	127	2.2	0.6	37.7%	18.4%
Ô tô và Phụ tùng					
Ô tô và Phụ tùng					
Sản xuất ô tô	2,127	24.6	1.7	16.9%	8.6%
Lốp xe	7,117	8.9	2.4	30.1%	13.8%
Thực phẩm và đồ uống					
Bia và đồ uống					
Sản xuất bia	1,547	7.9	1.3	15.8%	9.5%
Vang & Rượu mạnh	241	10.6	1.7	18.5%	13.6%
Đồ uống & giải khát	248	6.8	1.2	15.1%	10.1%
Sản phẩm thực phẩm					
Nuôi trồng nông & hải sản	13,724	15.3	1.2	10.5%	5.1%
Thực phẩm	209,823	23.4	5.5	24.8%	18.6%
Hàng cá nhân và gia dụng					
Hàng gia dụng					
Đồ gia dụng lâu bền	59	116.2	0.7	0.6%	0.5%
Thiết bị gia dụng	2,360	8.4	1.0	13.5%	6.1%
Hàng hóa giải trí					
Điện tử tiêu dùng	159	4.0	1.4	30.7%	21.1%
Hàng cá nhân					
Hàng may mặc	3,128	8.7	1.5	17.2%	7.1%
Giày dép	8	2.6	0.3	12.3%	6.3%
Hàng cá nhân	5,103	10.5	1.8	17.1%	9.2%
Thuốc lá					
Thuốc lá	727	4.2	1.1	-7.7%	2.6%

Chỉ số bình quân ngành	Vốn hóa (tỷ)	P/E	P/B	ROE	ROA
Y tế					
Thiết bị và dịch vụ y tế					
Thiết bị y tế	960	22.1	1.0	5.1%	2.8%
Dụng cụ y tế	133	3.5	1.8	32.8%	12.6%
Dược phẩm					
Công nghệ sinh học	157	10.1	1.0	10.0%	6.6%
Dược phẩm	16,044	13.0	3.4	26.7%	17.3%
Bán lẻ					
Phân phối thực phẩm và dược					
Phân phối thực phẩm	477	64.6	1.5	2.3%	0.7%
Bán lẻ					
Bán lẻ phức hợp	670	17.1	1.1	12.4%	8.0%
Phân phối hàng chuyên dụng	2,614	9.7	1.8	20.5%	3.3%
Truyền thông, Du lịch và Giải trí					
Truyền thông					
Dịch vụ truyền thông	10	2.7	0.5	18.3%	11.3%
Sách, ấn bản & sản phẩm văn hóa	1,097	8.8	1.0	13.4%	8.7%
Du lịch và giải trí					
Hàng không	165	7.2	3.1	52.7%	27.1%
Khách sạn	5,917	30.4	2.4	7.3%	3.4%
Dịch vụ giải trí	1,882	18.3	1.5	14.0%	12.2%
Vận tải hành khách & Du lịch	1,228	26.3	2.4	16.6%	14.7%
Viễn Thông & Công nghệ thông tin					
Viễn thông cố định					
Viễn thông cố định	47	11.0	0.3	3.1%	1.6%
Phần mềm và dịch vụ máy tính					
Dịch vụ máy tính	639	20.4	0.8	3.7%	1.4%
Internet	311	65.6	0.8	1.1%	0.2%
Phần mềm	19,026	11.8	2.6	23.6%	10.0%
Thiết bị và phần cứng					
Phần cứng	349	11.9	0.5	4.5%	1.7%
Thiết bị văn phòng	254	5.1	1.0	20.1%	14.9%
Thiết bị viễn thông	2,334	14.1	0.7	5.4%	4.1%
Điện nước, xăng dầu và khí đốt					
Sản xuất & phân phối điện					
Sản xuất & phân phối điện	22,998	7.7	1.2	18.2%	8.9%
Nước & khí đốt					
Phân phối xăng dầu & khí đốt	163,820	12.6	4.6	39.7%	25.0%
Nước	1,212	6.5	1.1	17.2%	12.1%
Bảo hiểm, Dịch vụ tài chính, Ngân hàng, Bất động sản					
Bảo hiểm phi nhân thọ					
Bảo hiểm phức hợp	1,314	10.9	0.9	8.1%	3.1%
Bảo hiểm phi nhân thọ	7,060	12.5	0.8	6.3%	3.2%
Tái bảo hiểm	2,934	9.8	1.2	12.7%	6.9%
Bảo hiểm nhân thọ					
Bảo hiểm nhân thọ	29,396	25.8	2.4	9.4%	2.3%
Dịch vụ tài chính					
Tài chính đặc biệt	3,780	35.8	1.2	3.2%	0.9%
Môi giới chứng khoán	27,691	25.8	1.6	7.1%	5.2%
Ngân hàng					
Ngân hàng	265,038	11.8	1.4	11.6%	0.9%
Bất động sản					
Bất động sản	151,750	15.3	2.9	28.2%	6.1%
Tư Vấn, Định giá, Môi giới Bất động sản	4	162.4	0.4	0.2%	0.1%
Dầu khí					
Thiết bị, dịch vụ và phân phối					
Thiết bị và Dịch vụ Dầu khí	37,322	9.7	2.0	21.7%	8.3%

- | | | | |
|---------------------------|--|--------------------------|--|
| ▶ Nguyễn Hữu Quang | Giám đốc Tư vấn Đầu tư
quangnh@vietinbanksc.com.vn | | |
| ▶ Nguyễn Quang Sắc | sacnq@vietinbanksc.com.vn
- Tổng hợp thông tin vĩ mô
- Phân tích kỹ thuật
- Nhận định, bình luận thị trường | ▶ Nguyễn Thu Hằng | hangntt@vietinbanksc.com.vn
- Ngân hàng
- Thép và sản phẩm thép
- Dược phẩm |
| ▶ Nguyễn Hoài Nam | namnh@vietinbanksc.com.vn
- Sản phẩm hóa dầu
- Phân phối xăng dầu, khí đốt
- Thiết bị và dịch vụ dầu khí | ▶ Vũ Ánh Nguyệt | nguyetva@vietinbanksc.com.vn
- Nhựa, cao su, sợi
- Thực phẩm
- Nuôi trồng nông và hải sản |

Bản báo cáo này được chuẩn bị cho mục đích duy nhất là cung cấp thông tin và không nhằm đưa ra bất kỳ đề nghị hay hướng dẫn mua bán chứng khoán cụ thể nào. Các quan điểm và khuyến cáo được trình bày trong bản báo cáo này không tính đến sự khác biệt về mục tiêu, nhu cầu, chiến lược và hoàn cảnh cụ thể của từng nhà đầu tư. Ngoài ra, nhà đầu tư cũng ý thức có thể có các xung đột lợi ích ảnh hưởng đến tính khách quan của bản báo cáo này. Nhà đầu tư nên xem báo cáo này như một nguồn tham khảo khi đưa ra quyết định đầu tư và phải chịu toàn bộ trách nhiệm đối với quyết định đầu tư của chính mình. VietinBankSc tuyệt đối không chịu trách nhiệm đối với toàn bộ hay bất kỳ thiệt hại nào, hay sự kiện bị coi là thiệt hại, đối với việc sử dụng toàn bộ hoặc từng phần thông tin hay ý kiến nào của bản báo cáo này.

Toàn bộ các quan điểm thể hiện trong báo cáo này đều là quan điểm cá nhân của người phân tích. Không có bất kỳ một phần thu nhập nào của người phân tích liên quan trực tiếp hoặc gián tiếp đến các khuyến cáo hay quan điểm cụ thể trong bản báo cáo này.

Thông tin sử dụng trong báo cáo này được VietinBankSc thu thập từ những nguồn mà chúng tôi cho là đáng tin cậy. Tuy nhiên, chúng tôi không đảm bảo rằng những thông tin này là hoàn chỉnh hoặc chính xác. Các quan điểm và ước tính trong đánh giá của chúng tôi có giá trị đến ngày ra báo cáo và có thể thay đổi mà không cần báo cáo trước.

Bản báo cáo này được giữ bản quyền và là tài sản của VietinBankSc. Mọi sự sao chép, chuyển giao hoặc sửa đổi trong bất kỳ trường hợp nào mà không có sự đồng ý của VietinBankSc đều trái luật.

Bản quyền thuộc VietinBankSc, 2013. Vui lòng trích nguồn khi sử dụng các thông tin trong bản báo cáo này.